

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.334.651.516	22.570.368.073
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.205.202.707	3.415.793.631
1. Tiền	111	5	1.205.202.707	3.415.793.631
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		750.000.000	750.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	750.000.000	750.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.594.891.498	12.252.372.508
1. Phải thu khách hàng	131		7.914.588.131	10.662.179.223
2. Trả trước cho người bán	132		538.875.684	1.454.023.929
3. Các khoản phải thu khác	135	7	141.427.683	136.169.356
IV. Hàng tồn kho	140		7.002.559.477	5.173.747.804
1. Hàng tồn kho	141	8	7.002.559.477	5.173.747.804
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		781.997.834	978.454.130
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	349.719.409	571.815.846
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	47.401.841	139.099.414
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	384.876.584	267.538.870
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.893.815.382	3.670.283.727
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.404.366.177	3.040.220.917
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.404.366.177	3.040.220.917
- Nguyên giá	222		4.643.958.947	4.621.477.129
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.239.592.770)	(1.581.256.212)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		489.449.205	630.062.810
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	489.449.205	630.062.810
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		21.228.466.898	26.240.651.800

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.483.383.196	13.573.732.210
I. Nợ ngắn hạn	310		8.725.605.619	13.552.954.633
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	2.292.352.657	2.800.000.000
2. Phải trả người bán	312		4.253.595.249	8.528.886.230
3. Người mua trả tiền trước	313		723.479.126	637.669.612
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	679.149.633	497.529.841
5. Phải trả người lao động	315		393.820.699	817.064.410
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	234.085.017	229.102.575
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		149.123.238	42.701.965
II. Nợ dài hạn	330		757.777.577	20.777.577
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	737.000.000	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		20.777.577	20.777.577
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.745.083.702	12.666.919.590
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	11.745.083.702	12.666.919.590
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	527.209.068	285.400.792
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	299.235.338	190.372.321
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	918.639.296	2.191.146.477
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		21.228.466.898	26.240.651.800

Giám đốc

Kế toán trưởng

Lê Hoàng Hải

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	19	17.172.243.777	8.623.356.681
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	19	17.172.243.777	8.623.356.681
4. Giá vốn hàng bán	11	20	12.040.924.741	5.801.783.300
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		5.131.319.036	2.821.573.381
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	161.800.734	116.409.403
7. Chi phí tài chính	22	22	245.920.668	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		245.920.668	-
8. Chi phí bán hàng	24		1.725.950.200	259.712.303
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.070.124.708	1.224.196.760
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.251.124.194	1.454.073.721
11. Thu nhập khác	31		8.075.049	5.002.000
12. Chi phí khác	32		1.012.965	-
13. Lợi nhuận khác	40		7.062.084	5.002.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23	1.258.186.278	1.459.075.721
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	353.433.115	340.820.180
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	23	904.753.163	1.118.255.541
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	905	1.118

Giám đốc

Kế toán trưởng

Lê Hoàng Hải

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu
		2011	năm 2010
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	20.006.564.578	7.057.802.196
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(16.923.226.961)	(6.391.976.858)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.740.779.499)	(1.760.447.471)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(245.920.668)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(151.671.878)	(67.649.842)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.178.356.792	676.904.213
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.187.209.061)	(1.285.970.727)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.063.886.697)	(1.771.338.489)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(22.481.818)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	2.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	161.800.734	116.409.403
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	139.318.916	2.116.409.403
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.673.516.905	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.444.164.248)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.515.375.800)	(697.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.286.023.143)	(697.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.210.590.924)	(352.229.086)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.415.793.631	1.575.558.676
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.205.202.707	1.223.329.590

Giám đốc

Kế toán trưởng

Lê Hoàng Hải

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất Bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019582 ngày 14/09/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 2 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29/7/2010.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ các ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục và các dịch vụ liên quan đến ngành in;
- Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lich, catalogue) không bao gồm xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học;
- Quảng cáo trung bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại;
- Thiết kế trang web;
- Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu);
- Tổ chức các hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư, các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với tất cả tài sản cố định. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc, thiết bị	3,5
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.10 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.11 Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.12 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế trích lập các quỹ, được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.13 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Đối với Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: không thuộc đối tượng chịu thuế.
 - ✓ Đối với sách tham khảo, sách bản quyền: Áp dụng mức thuế suất 5% .
 - ✓ Đối với thiết kế, chế bản và truyền thông: Áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	324.855.398	464.902.813
Tiền gửi ngân hàng	880.347.309	2.950.890.818
Cộng	<u>1.205.202.707</u>	<u>3.415.793.631</u>

6. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Cổ phiếu Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Hà Nội (75.000 CP)	750.000.000	750.000.000
Cộng	<u>750.000.000</u>	<u>750.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Các khoản phải thu khác

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạ Thanh Tùng	90.000.000	90.000.000
Bảo hiểm xã hội	-	30.278.491
Phải thu khác	51.427.683	15.890.865
Cộng	141.427.683	136.169.356

8. Hàng tồn kho

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.503.764.202	1.141.003.200
Chi phí SX, KD dở dang	35.020.000	745.214.269
Thành phẩm	3.623.986.684	2.711.225.216
Hàng hóa	1.839.788.591	576.305.119
Cộng	7.002.559.477	5.173.747.804

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	298.239.409	571.815.846
Chi phí chờ phân bổ	51.480.000	-
Cộng	349.719.409	571.815.846

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế thu nhập cá nhân	47.401.841	139.099.414
Cộng	47.401.841	139.099.414

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tạm ứng	384.876.584	267.538.870
Cộng	<u>384.876.584</u>	<u>267.538.870</u>

12. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	P.tiền vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	3.394.039.871	660.300.745	567.136.513	4.621.477.129
Mua sắm trong kỳ	-	10.481.818	12.000.000	22.481.818
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>3.394.039.871</u>	<u>670.782.563</u>	<u>579.136.513</u>	<u>4.643.958.947</u>
Khấu hao				
Số đầu năm	785.580.607	348.492.056	447.183.549	1.581.256.212
Khấu hao trong kỳ	478.969.217	110.341.284	69.026.057	658.336.558
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>1.264.549.824</u>	<u>458.833.340</u>	<u>516.209.606</u>	<u>2.239.592.770</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.608.459.264	311.808.689	119.952.964	3.040.220.917
Số cuối kỳ	<u>2.129.490.047</u>	<u>211.949.223</u>	<u>62.926.907</u>	<u>2.404.366.177</u>

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2011 là 2.226.248.620 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2011 là 318.051.920 đồng.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	219.015.624	338.041.977
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	270.433.581	292.020.833
Cộng	<u>489.449.205</u>	<u>630.062.810</u>

14. Vay và nợ ngắn hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn	2.217.352.657	2.800.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Hà Nội	2.217.352.657	1.600.000.000
- Ngân hàng Quân đội Chi nhánh Hoàn Kiếm	-	1.200.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Hà Nội	75.000.000	-
Cộng	2.292.352.657	2.800.000.000

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	53.351.393	73.492.838
Thuế thu nhập doanh nghiệp	625.798.240	424.037.003
Cộng	679.149.633	497.529.841

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	123.059.927	80.311.852
Bảo hiểm xã hội	4.188.441	-
Bảo hiểm y tế	17.120.325	15.481.465
Cổ tức phải trả	-	15.375.800
Các khoản phải trả, phải nộp khác	89.716.324	117.933.458
- Quỹ từ thiện NXB	6.195.714	6.195.714
- Phải trả khác	83.520.610	111.737.744
Cộng	234.085.017	229.102.575

17. Vay và nợ dài hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay dài hạn		
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Hà Nội	737.000.000	-
Cộng	737.000.000	-

Khoản vay dài hạn trên là để đầu tư hệ thống máy chế bản điện tử theo Hợp đồng số 02/2010/HĐTD ngày 05/07/2010 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội. Theo đó, thời hạn vay là 60 tháng (5 năm), thời gian ân hạn là 6 tháng, lãi suất được điều chỉnh từng kỳ 3 tháng, Tài sản thế chấp là hệ thống máy ghi phim Tanto 6120 online Imagesetter và phần tráng hiện phim LD-M 1090 online đã được cài đặt các phần mềm chuyên dụng HQ-Rip 510 Rip version 8.x (đi kèm với máy) cộng với Phần mềm Proof Ready.

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2010	10.000.000.000	79.443.651	90.000.000	2.032.632.559	12.202.076.210
Tăng trong năm	-	205.957.141	100.372.321	2.177.260.344	2.483.589.806
Giảm trong năm	-	-	-	2.018.746.426	2.018.746.426
Số dư tại 31/12/2010	10.000.000.000	285.400.792	190.372.321	2.191.146.477	12.666.919.590
Số dư tại 01/01/2011	10.000.000.000	285.400.792	190.372.321	2.191.146.477	12.666.919.590
Tăng trong kỳ	-	241.808.276	108.863.017	904.753.163	1.255.424.456
Giảm trong kỳ	-	-	-	2.177.260.344	2.177.260.344
Số dư tại 30/06/2011	10.000.000.000	527.209.068	299.235.338	918.639.296	11.745.083.702

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Vốn góp của Nhà Xuất Bản Giáo dục	5.100.000.000	5.100.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	4.900.000.000	4.900.000.000
Cộng	10.000.000.000	10.000.000.000

c. Cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Error! Not a valid link.

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	2.191.146.477	2.032.632.559
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	904.753.163	2.177.260.344
Các khoản giảm lợi nhuận	2.177.260.344	2.018.746.426
Phân phối lợi nhuận	2.177.260.344	2.007.446.426
- Trích quỹ đầu tư phát triển	241.808.276	205.957.141
- Trích quỹ dự phòng tài chính	108.863.017	100.372.321
- Trích quỹ KTPL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	326.589.051	301.116.964
- Trả cổ tức	1.500.000.000	1.400.000.000
Chi phí đại hội cổ đông năm 2010	-	11.300.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	918.639.296	2.191.146.477

Lợi nhuận sau thuế năm 2010 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 26/3/2011.

19. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Tổng doanh thu	17.172.243.777	8.623.356.681
+ Doanh thu bán sách tham khảo	10.267.654.652	2.091.270.416
+ Doanh thu phim, mỹ thuật, truyền thông	6.904.589.125	5.198.486.191
+ Doanh thu thiết bị	-	1.075.937.818
+ Doanh thu khác	-	257.662.256
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.172.243.777	8.623.356.681

20. Giá vốn hàng bán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Giá vốn sách tham khảo	6.785.251.331	1.152.708.809
Giá vốn phim, mỹ thuật, truyền thông	5.255.673.410	3.667.510.893
Giá vốn thiết bị	-	934.432.416
Giá vốn hàng hóa khác	-	47.131.182
Cộng	12.040.924.741	5.801.783.300

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.800.734	20.614.403
Cổ tức, lợi nhuận được chia	135.000.000	95.795.000
Cộng	161.800.734	116.409.403

22. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Lãi tiền vay	245.920.668	-
Cộng	245.920.668	-

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.258.186.278	1.459.075.721
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	155.546.180	(95.795.000)
Điều chỉnh tăng	290.546.180	-
- Chi phí không hợp lệ	290.546.180	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Điều chỉnh giảm	135.000.000	95.795.000
Cổ tức lợi nhuận được chia	135.000.000	95.795.000
Tổng thu nhập chịu thuế	1.413.732.458	1.363.280.721
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	353.433.115	340.820.180
Lợi nhuận sau thuế TNDN	904.753.163	1.118.255.541

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	904.753.163	1.118.255.541
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	904.753.163	1.118.255.541
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	905	1.118

25. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 26/03/2011 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2010 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% vốn điều lệ (tương ứng 1.500.000.000 đồng).

26. Các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Nhà đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Nhà đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Nhà đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà đầu tư
Công ty Cổ phần Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Cần Thơ	Nhà đầu tư
Công ty CP in Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP in Sách Giáo khoa Hòa Phát	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Học Liệu Giáo dục Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Thiết kế và Phát hành Sách Giáo dục	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Công ty cùng chung nhà đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ với các bên có liên quan

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Bán hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.993.950.300	2.164.007.582
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	135.860.512	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	116.184.672	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	-	687.708.741
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	214.236.672	484.899.369
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	146.704.128	
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	108.498.709	50.800.000
Công ty CP Sách Dân tộc	694.965.796	265.641.459
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.488.289.975	2.722.210.558
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	278.326.312	380.000
Mua hàng		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	844.940.540	220.113.815
Công ty CP Sách Dân tộc	459.170.364	100.161.088
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	322.666.960
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	1.245.657.635	206.212.000

c. Số dư với các bên có liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	355.937.447	1.290.779.117
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	120.396.563	1.204.500
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	127.803.139	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	82.709.253	142.444.103
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	409.234.192	410.083.394
Công ty CP Sách Dân tộc	705.842.549	1.070.922.550
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.822.530.137	481.646.553
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	183.872.591	-
Phải trả người bán		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	390.455.809	290.501.072
Công ty CP in Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	100.557.749	500.557.749
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	154.920.517	152.351.129
Công ty CP Học Liệu	167.361.122	97.279.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	843.607.682	125.515.089
Công ty CP Sách Dân tộc	9.689.600	654.436.128
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	472.306.815	61.017.280

27. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

28. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi AAC. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 chưa được soát xét.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Lê Hoàng Hải

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2011

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền Thông công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất Bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019582 ngày 14/09/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 2 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29/7/2010.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Nhà Xuất Bản Giáo dục chiếm tỷ lệ 51%.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2011: 10.000.000.000 đồng.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84) 04.35122163
- Fax: (84) 04.35121385
- Website: www.adc.net.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ các ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục và các dịch vụ liên quan đến ngành in;
- Phát hành sách, tranh-ảnh phục vụ ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lịch, catalogue) không bao gồm xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học;
- Quảng cáo trung bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại;
- Thiết kế trang web;
- Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu);
- Tổ chức các hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư, các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 70 người. Trong đó nhân viên quản lý 9 người.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|----------|--------------------------|
| • Ông Phạm Ngọc Tới | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Lê Hoàng Hải | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Trần Tiểu Lâm | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Tô Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 14/07/2008 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|----------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Võ Văn Chiến | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29/03/2010 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------|----------------|----------------------------|
| • Ông Lê Hoàng Hải | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Trần Tiểu Lâm | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| | | Miễn nhiệm ngày 01/01/2011 |
| • Bà Nguyễn Bích La | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/06/2011 |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Lê Hoàng Hải

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2011



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính

217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 962/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 8 năm 2011

BÁO CÁO SOÁT XÉT

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011 được lập ngày 27/7/2011 của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 22. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của **Error! Not a valid link**. Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2011, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyễn Trọng Hiếu

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0391/KTV

Trần Thị Nở

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV